**Phụ lục 76**
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG**
**ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026**
**XÃ VĨNH THẠNH TRUNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

## A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 2, 8, 9, 15, 16, 17, 18, 23, 24, 25 Phụ lục 76 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2*

| TT | Số TT PL76 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC** | | | |
| 1 | 2 | Quốc lộ 91 | | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91) |
| | | - Đường vào UBND xã - Đường số 6 (TTTM Vịnh Tre) | 5.610 | Sửa tên đường (Tên cũ: Đường vào UBND xã - Ranh dưới cây xăng Phát Lợi) |
| | | - Đường số 6 (TTTM Vịnh Tre) - Cầu Vịnh Tre | 7.013 | Sửa tên đường (Tên cũ: Ranh dưới cây xăng Phát Lợi - Cầu Vịnh Tre) |
| | | - Cầu Vịnh Tre - Cầu Cần Thảo | 2.926 | Gộp đoạn; Cầu Vịnh Tre - Trạm Y Tế Mỹ Phú; Trạm Y Tế Mỹ Phú - Cầu Cần Thảo |
| 2 | 8 | KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn (nối dài) + KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn | | |

| TT | Số TT PL76 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | - Đường số 1 (Suốt tuyến), số 2 (Suốt tuyến) ( trừ các nền chính sách) | 462 | Gộp đoạn; Đường số 1, 2: Tờ BĐ 53(62, 63); Tờ BĐ 53 (164, 165); Đường số 2 (Đường số 5 - Giáp KDC Đông Kênh 3- Bắc Kênh Tri Tôn (Mở rộng)) |
| | | - Nền chính sách | 154 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách (thuộc KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn (nối dài) + KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn) |
| 3 | 9 | KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn (Mở rộng) | | |
| | | - Nền loại 2:<br>Đường số 3 (Suốt tuyến)<br>Đường số 5 (Các nền còn lại) | 832 | Sửa tên đường (Tên cũ: - Nền loại 2:Đường số 3: Tờ BĐ 56 (155,156,131) Đường số 5 (Các nền còn lại)) |
| | | - Nền chính sách | 154 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách (KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn (Mở rộng)) |
| 4 | 15 | - Đường số 3 (nền tái định cư) | 576 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền tái định cư tại đường số 3 (gồm các thửa 63-64; 78-85; 111-120; 174-120 thuộc Tờ BĐ 39)) |
| 5 | 16 | Cụm dân cư ấp Vĩnh Bình | | |

| TT | Số TT PL76 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | - Các đường còn lại (nền chính sách) | 660 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách:<br>+ Tờ BĐ 39 gồm các thửa 491-492, 539-555, 558-568, 571-577, 584-589, 593, 596-598, 622-636, 641-653, 656-670, 675-689, 694-705, 708-716<br>+ Tờ BĐ 42 gồm các thửa 19-22, 25-27, 30-35, 38-47, 52-61<br>+ Tờ BĐ 101 gồm các thửa 842, 843, 846, 847,850, 862, 865-871, 883, 884, 889-894, 897-902, 907-912, 917-921) |
| 6 | 17 | Đường tỉnh 945 | | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 945) |
| 7 | 18 | Đường trường Kỹ thuật - Tổng hợp An Giang cơ sở 2: Từ Quốc lộ 91 - Rạch M. Khai lắp | 1.153 | Sửa tên đường (Tên cũ: Đường trường TC Kinh tế - Kĩ thuật: Từ Quốc lộ 91 - Rạch M. Khai lắp) |
| 8 | 23 | Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m | 510 | Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường >=3m được trải bê tông hoặc nhựa) |
| 9 | 24 | Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m | 408 | Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường <3m được trải bê tông hoặc nhựa) |

| TT | Số TT PL76 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **II** | **HỦY BỎ** | | | |
| 1 | 25 | Các tuyến đường còn lại | | Hủy bỏ |

## B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2*

| TT | Số TT PL76 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Loại đất | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **I** | **Khu vực: Ấp Vĩnh Thuận, Vĩnh Hưng, Vĩnh An, Vĩnh Bình, Vĩnh Quới, Bình An Thạnh Lợi, Vĩnh Hòa, Thạnh An** | | **Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực: Ấp Vĩnh Thuận, Vĩnh Hưng, Vĩnh An, Vĩnh Bình, Vĩnh Quới, Bình An, Thạnh Lợi, Vĩnh Quí, Vĩnh Hòa, Vĩnh Lợi, Vĩnh Phú, Thạnh An),** |
| 1 | 1 | Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản | | |
| | | Quốc lộ 91 | | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91) |
| | | - Quốc lộ 91 và sông Hậu | 121 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91 và sông Hậu), |
| | | Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu) | | |
| 2 | 2 | Đất trồng cây lâu năm | | |
| | | Quốc lộ 91 | | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91) |

| TT | Số TT PL76 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Loại đất | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | - Quốc lộ 91 và sông Hậu | 228 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91 và sông Hậu), |
| | | **Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)** | | |
| | | - Đường tỉnh 945 mới | 228 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 945 mới), |
| **II** | **II** | **Khu vực: Ấp Mỹ Lợi, Mỹ Hưng, Mỹ Quí, Mỹ An, Mỹ Phước, Mỹ Trung, Mỹ Thuận** | | |
| 1 | 1 | Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản | | |
| | | Quốc lộ 91 | | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91) |
| | | - Quốc lộ 91 – Bờ Đông (Cánh đồng nhỏ) | 89 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91 – Bờ Đông (Cánh đồng nhỏ)), |
| | | - Quốc lô 91 – Vịnh Tre – Cần Thảo (Bờ tây) | 82 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lô 91 – Vịnh Tre – Cần Thảo (Bờ tây)), |

| TT | Số TT PL76 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Loại đất | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu) | | |
| | | - Tiếp giáp kênh 3, kênh Hào Đề, kênh Vịnh Tre, kênh Cần Thảo, Sông Hậu | 82 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp kênh 3, kênh Hào Đề, kênh Vịnh Tre, kênh Cần Thảo), |
| 2 | 2 | Đất trồng cây lâu năm | | |
| | | Quốc lộ 91 | | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91), |
| | | - Quốc lộ 91 – Bờ Đông (Cánh đồng nhỏ) | 156 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91 – Bờ Đông (Cánh đồng nhỏ)), |
| | | - Quốc lô 91 – Vịnh Tre – Cần Thảo (Bờ tây) | 138 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lô 91 – Vịnh Tre – Cần Thảo (Bờ tây)), |